

**A. Thông tin phòng thí nghiệm (PTN)**

1. Tên đơn vị: .....
2. Tên PTN: .....
3. Địa chỉ liên lạc: .....
4. Điện thoại: ..... Fax : .....
5. Tên người liên hệ 1 (**bắt buộc**): ..... Chức vụ: .....
- E-mail (**bắt buộc**): ..... Di động: .....
- Tên người liên hệ 2 (**bắt buộc**): ..... Chức vụ: .....
- E-mail (**bắt buộc**): ..... Di động: .....
6. Địa chỉ nhận mẫu (nếu khác mục 3): .....

**B. Thông tin thanh toán**

7. Hình thức thanh toán:       Tiền mặt;       Chuyển khoản
8. Xuất hóa đơn trước:       Có       Không
9. Thông tin thể hiện trên hóa đơn:
- Mã số thuế: .....
- Tên đơn vị (nếu khác mục 1): .....
- Địa chỉ (nếu khác mục 3): .....

**C. Thông tin đăng ký**

PTN chúng tôi đăng ký tham gia (các) chương trình TNTT do Trung tâm Kỹ thuật 3 tổ chức trong tháng 07/2019 như sau:

**10. Lĩnh vực vi sinh**

| Tên chương trình TNTT                          | Nền mẫu | Tên chỉ tiêu                                                     | Phương pháp thử | Số lượng mẫu gửi                           | Phí tham gia (VNĐ) |
|------------------------------------------------|---------|------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------------------------------|--------------------|
| Vi sinh trong mẫu sữa bột <b>QPT 09/19</b> (*) | Sữa bột | <input type="checkbox"/> Định tính <i>Listeria monocytogenes</i> | Không quy định  | 01 cặp mẫu/PTN<br>mỗi mẫu tương đương 25 g | <b>3.000.000</b>   |
| Vi sinh trong mẫu sữa bột <b>QPT 10/19</b> (*) | Sữa bột | <input type="checkbox"/> Định lượng Enterobacteriaceae           | Không quy định  | 01 mẫu/PTN<br>mỗi mẫu tương đương 10 g     | <b>2.500.000</b>   |

| Tên chương trình TNTT                              | Nền mẫu | Tên chỉ tiêu                                                                                                                                                                                                                                             | Phương pháp thử | Số lượng mẫu gửi                        | Phí tham gia (VNĐ)                                                   |
|----------------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| Vi sinh trong mẫu nước<br><b>QPT 11/19</b>         | Nước    | <input type="checkbox"/> Định lượng tổng số vi sinh vật (*)<br><input type="checkbox"/> Định lượng tổng số Coliform (*)<br><input type="checkbox"/> Định lượng tổng số Fecal Coliform<br><input type="checkbox"/> Định lượng <i>Escherichia coli</i> (*) | Không quy định  | 01 mẫu/PTN mỗi mẫu tương đương 01 lít   | <b>2.500.000/01 chỉ tiêu</b><br><b>3.500.000/02 chỉ tiêu trở lên</b> |
| Vi sinh trong mẫu thịt<br><b>QPT 17/19 (*)</b>     | Thịt gà | <input type="checkbox"/> Định lượng <i>Clostridium perfringens</i> .                                                                                                                                                                                     | Không quy định  | 01 mẫu/PTN mỗi mẫu tương đương 10 g     | <b>3.000.000</b>                                                     |
| Vi sinh trong mẫu thủy hải sản<br><b>QPT 95/19</b> | Cá      | <input type="checkbox"/> Định tính <i>Escherichia coli</i>                                                                                                                                                                                               | Không quy định  | 01 cặp mẫu/PTN mỗi mẫu tương đương 10 g | <b>3.000.000</b>                                                     |

**11. Lĩnh vực hóa**

| Tên chương trình TNTT                     | Nền mẫu           | Tên chỉ tiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Phương pháp thử | Số lượng mẫu gửi                 | Phí tham gia (VNĐ) |
|-------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------|--------------------|
| Mẫu gạo<br><b>QPT 27/19</b>               | Gạo               | Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật<br><input type="checkbox"/> Carbaryl, mg/kg<br><input type="checkbox"/> Carbofuran, mg/kg<br><input type="checkbox"/> Tebuconazole, mg/kg                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Không quy định  | 01 mẫu/PTN mỗi mẫu khoảng 100 g  | <b>6.000.000</b>   |
| Mẫu nước tương<br><b>QPT 30/19</b>        | Nước tương        | <input type="checkbox"/> Hàm lượng nitơ tổng số, g/100 mL<br><input type="checkbox"/> Hàm lượng muối ăn (NaCl), g/100 mL<br><input type="checkbox"/> Hàm lượng axit (tính theo axit axetic), g/100 mL                                                                                                                                                                                                                                                                         | Không quy định  | 01 mẫu/PTN mỗi mẫu khoảng 100 mL | <b>3.000.000</b>   |
| Mẫu thủy hải sản<br><b>QPT 33/19 (*)</b>  | Tôm               | <input type="checkbox"/> Dư lượng kháng sinh Chloramphenicol, µg/kg                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Không quy định  | 01 mẫu/PTN mỗi mẫu khoảng 50 g   | <b>3.000.000</b>   |
| Mẫu thức ăn chăn nuôi<br><b>QPT 43/19</b> | Thức ăn chăn nuôi | <input type="checkbox"/> Hàm lượng ẩm, % (m/m)<br><input type="checkbox"/> Hàm lượng protein (*), % (m/m)<br><input type="checkbox"/> Hàm lượng béo (*), % (m/m)<br><input type="checkbox"/> Hàm lượng tro tổng (*), % (m/m)<br><input type="checkbox"/> Hàm lượng canxi (*), % (m/m)<br><input type="checkbox"/> Hàm lượng photpho (*), % (m/m)<br><input type="checkbox"/> Hàm lượng xơ thô, % (m/m)<br><input type="checkbox"/> Hàm lượng tro không tan trong HCl, % (m/m) | Không quy định  | 01 mẫu/PTN mỗi mẫu khoảng 100 g  | <b>3.500.000</b>   |

| Tên chương trình TNTT                | Nền mẫu  | Tên chỉ tiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Phương pháp thử                                     | Số lượng mẫu gửi                        | Phí tham gia (VNĐ) |
|--------------------------------------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------|
| Mẫu phân bón<br><b>QPT 47/19 (*)</b> | Phân bón | <input type="checkbox"/> Hàm lượng nitơ tổng số, % (m/m)<br><input type="checkbox"/> Hàm lượng phot pho hữu hiệu, % (m/m)<br><input type="checkbox"/> Hàm lượng kali hữu hiệu, % (m/m)<br><input type="checkbox"/> Hàm lượng kali hòa tan, % (m/m)                                                                                                                                                                                                                                   | Không quy định                                      | 01 mẫu/PTN<br>mỗi mẫu<br>khoảng<br>50 g | <b>2.500.000</b>   |
| Mẫu phân bón<br><b>QPT 48/19 (*)</b> | Phân bón | <input type="checkbox"/> Hàm lượng silic (SiO <sub>2</sub> ), % (m/m)<br><input type="checkbox"/> Hàm lượng canxi (Ca), % (m/m)<br><input type="checkbox"/> Hàm lượng magiê (Mg), % (m/m)<br><input type="checkbox"/> Hàm lượng lưu huỳnh (S), % (m/m)<br><input type="checkbox"/> Hàm lượng sắt (Fe), % (m/m)<br><input type="checkbox"/> Hàm lượng kẽm (Zn), mg/kg<br><input type="checkbox"/> Hàm lượng đồng (Cu), mg/kg<br><input type="checkbox"/> Hàm lượng mangan (Mn), mg/kg | Không quy định                                      | 01 mẫu/PTN<br>mỗi mẫu<br>khoảng<br>50 g | <b>3.000.000</b>   |
| Mẫu phân bón<br><b>QPT 49/19 (*)</b> | Phân bón | <input type="checkbox"/> Hàm lượng chất hữu cơ tổng số, % (m/m)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | TCVN 9294:2012 hoặc các tiêu chuẩn tương đương khác | 01 mẫu/PTN<br>mỗi mẫu<br>khoảng<br>50 g | <b>3.000.000</b>   |
|                                      |          | <input type="checkbox"/> Hàm lượng axit humic (quy về cacbon), % (m/m)<br><input type="checkbox"/> Hàm lượng axit fulvic (quy về cacbon), % (m/m)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Không quy định                                      |                                         |                    |
| Mẫu phân bón<br><b>QPT 50/19 (*)</b> | Phân bón | <input type="checkbox"/> Hàm lượng chì (Pb), mg/kg<br><input type="checkbox"/> Hàm lượng cadimi (Cd), mg/kg<br><input type="checkbox"/> Hàm lượng asen (As), mg/kg<br><input type="checkbox"/> Hàm lượng thủy ngân (Hg), mg/kg<br><input type="checkbox"/> Hàm lượng crôm (Cr), mg/kg<br><input type="checkbox"/> Hàm lượng niken (Ni), mg/kg                                                                                                                                        | Không quy định                                      | 01 mẫu/PTN<br>mỗi mẫu<br>khoảng<br>50 g | <b>3.500.000</b>   |

**Lưu ý:**

- Phí tham gia đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT 5%) và phí vận chuyển.
- Trong trường hợp PTN áp dụng các phương pháp thử khác so với yêu cầu, vui lòng liên hệ với Ban tổ chức trước khi đăng ký.
- Đối với các chương trình TNTT lĩnh vực vi sinh, PTN có thể thực hiện và báo cáo kết quả theo đơn vị tính CFU, MPN (hoặc cho cả 02 đơn vị tính với phí tham gia không đổi).

- (\*) Chương trình/chỉ tiêu đã được công nhận phù hợp theo ISO 17043:2010 bởi cơ quan công nhận The American Association for Laboratory Accreditation (A2LA) - Hoa Kỳ, Certificate number: 3477.01. PTN có thể tham khảo thêm thông tin công nhận theo đường dẫn sau <http://www.a2la.org/scopepdf/3477-01.pdf>
- Các chương trình không đủ số lượng PTN đăng ký tối thiểu là 10 PTN thì có thể bị hoãn hoặc hủy (tùy tình hình thực tế) và sẽ thông báo cụ thể đến PTN.
- Chương trình TNTT QPT 95/19 được tổ chức bổ sung nhằm đáp ứng nhu cầu tham gia TNTT đối với các chỉ tiêu, nền mẫu nằm ngoài kế hoạch năm 2019 của Trung tâm Kỹ thuật 3.
- Theo kế hoạch ban đầu, chương trình TNTT QPT 33/19 được dự kiến tổ chức vào tháng 05/2019. Do số lượng PTN đăng ký tham gia không đạt theo yêu cầu nên được gia hạn đăng ký đến 15/06/2019.

**D. Chính sách đăng ký tham gia**

12. Thời gian nhận đăng ký: **trước ngày 15/06/2019.**
13. PTN có trách nhiệm đảm bảo tính xác thực các thông tin đã cung cấp trong phiếu đăng ký. Đề nghị PTN ký tên, đóng dấu và ghi rõ (đánh dấu chọn ) chương trình và chỉ tiêu cần tham gia vào phiếu đăng ký trước khi gửi về cho Ban tổ chức.

Sau khi nhận được phiếu đăng ký, Ban tổ chức sẽ gửi thông tin xác nhận đến PTN qua e-mail được cung cấp ở mục 5. Nếu không nhận được e-mail xác nhận, đề nghị PTN chủ động liên hệ với Ban tổ chức qua điện thoại.

Theo chính sách bảo mật, Ban tổ chức chỉ thông báo kết quả tham gia TNTT, mã số PTN... cho người liên hệ, e-mail được cung cấp ở mục 5.

Tất cả thông tin liên quan đến chương trình TNTT sẽ được thông báo qua e-mail được cung cấp ở mục 5.

14. Thay đổi hoặc hủy chương trình (dựa trên yêu cầu bằng văn bản hoặc e-mail của PTN)
- Thay đổi địa chỉ nhận mẫu sau khi Ban tổ chức đã gửi mẫu: thu 100 % phí vận chuyển khi gửi lại mẫu;
  - Hủy đăng ký khi đã hết thời hạn nhận/hủy đăng ký nhưng Ban tổ chức chưa gửi mẫu: thu 20 % phí tham gia/chương trình;
  - Hủy đăng ký sau khi Ban tổ chức đã gửi mẫu: thu 50 % phí tham gia/chương trình.
15. Phiếu đăng ký có thể gửi qua e-mail, fax hoặc bưu điện đến địa chỉ sau:

Người liên hệ: Mai Nhã Uyên - Phòng Thử nghiệm Thành thạo  
Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3  
Số 7, Đường số 1, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai  
Điện thoại: (0251) 383 6212 (Ext: 123) - Fax: (0251) 882 6917 / (0251) 383 6298  
E-mail: [ptprovider@quatest3.com.vn](mailto:ptprovider@quatest3.com.vn) - Website: [www.quatest3.com.vn](http://www.quatest3.com.vn)

Ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện đơn vị  
(Họ tên/Chức vụ)

Đại diện Phòng thí nghiệm  
(Họ tên/Chức vụ)

.....

.....

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN  
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT  
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1369/KT3-PT  
V/v mời tham dự chương trình  
thử nghiệm thành thạo tháng 07/2019

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 06 năm 2019

Kính gửi: Quý Phòng thí nghiệm

Trước tiên, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 (Trung tâm Kỹ thuật 3) xin chân thành cảm ơn các phòng thí nghiệm (PTN) đã tin tưởng và sử dụng dịch vụ tổ chức thử nghiệm thành thạo (TNTT) của chúng tôi trong thời gian vừa qua.

Trong tháng 07/2019, Trung tâm Kỹ thuật 3 kính mời quý PTN tham gia chương trình TNTT theo nội dung tại Phiếu đăng ký đính kèm với các thông tin sau:

- Lĩnh vực tổ chức:** Vi sinh, hóa.
- Phương pháp thử nghiệm:** Mẫu TNTT được xử lý như mẫu thông thường, các PTN tham gia có thể tự lựa chọn phương pháp thử thích hợp. Đối với các chương trình TNTT có quy định áp dụng phương pháp thử cụ thể, nếu PTN sử dụng các phương pháp thử khác, vui lòng liên hệ với Ban tổ chức trước khi đăng ký.
- Thời gian:**
  - Dự kiến gửi mẫu vào tháng 07/2019;
  - Báo cáo sơ bộ (nếu có) sẽ được phát hành sau thời điểm nhận được đầy đủ phiếu kết quả của các PTN tham gia (02 - 04) tuần;
  - Báo cáo kết thúc sẽ được phát hành sau thời điểm ban hành Báo cáo sơ bộ (04 - 06) tuần.
- Đánh giá:** Áp dụng tiêu chuẩn ISO 13528:2015.
- Bảo mật:** Ban tổ chức cam kết bảo mật tên và mã số tham gia của các PTN, không một khách hàng, cá nhân hoặc đơn vị nào biết mã số cũng như số liệu của các PTN tham gia ngoài Ban tổ chức, trừ khi có sự đồng ý bằng văn bản của PTN tham gia hoặc theo yêu cầu của Cơ quan chức năng.
- Chi phí:** Phí tham gia thể hiện trong Phiếu đăng ký đính kèm. Sau khi gửi phiếu đăng ký tham gia, PTN sẽ thanh toán phí khi Ban tổ chức chính thức thực hiện chương trình (kể từ lúc PTN nhận được mẫu TNTT đến trước khi Ban tổ chức ban hành Báo cáo kết thúc TNTT).
- Đăng ký:** Các PTN đăng ký theo mẫu Phiếu đăng ký đính kèm và gửi đến Ban tổ chức thông qua e-mail, fax hoặc bưu điện... trước ngày **15/06/2019**.
- Khác:** PTN có thể tham khảo thêm kế hoạch tổ chức các chương trình TNTT năm 2019 cũng như các thông tin liên quan đến TNTT tại website: [www.quatest3.com.vn](http://www.quatest3.com.vn)

Trong trường hợp các PTN có yêu cầu tổ chức các chương trình TNTT khác so với kế hoạch, vui lòng cung cấp cụ thể thông tin (chỉ tiêu, nền mẫu...) để Trung tâm Kỹ thuật 3 có thể xem xét lập kế hoạch TNTT bổ sung hoặc thực hiện các chương trình so sánh liên phòng.

Rất mong nhận được sự hợp tác của quý PTN và trân trọng kính chào./m

**Nơi nhận:**

- Các PTN;
- Lưu: VT, PT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Lương Thanh Uyên**